

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NGŨ HÀNH SƠN
TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29 - 10 - 2021

V/v tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGŨ HÀNH SƠN TP. ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Lâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Sơn
2. Ông Nguyễn Tuấn Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Hoàng - Thư ký tòa án nhân dân Quận Ngũ Hành Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Trường Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngũ hành Sơn, TP. Đà Nẵng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 24/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2021 về tranh chấp "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2021/QĐXX-ST ngày 29 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Tiểu L. Sinh năm: 1979

Trú tại: 102 đường Huyền Trân Công C, phường Hòa H, quận Ngũ Hành S, TP. Đà Nẵng- Có mặt;

2. Bị đơn: Ông Trần Văn T. Sinh năm: 1978

Trú tại: 102 đường Huyền Trân Công C, phường Hòa H, quận Ngũ Hành S, TP. Đà Nẵng - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 05/4/2021, bản trình bày và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Tiểu L trình bày:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Tôi và ông Trần Văn T kết hôn với nhau vào năm 2001 có đăng ký kết hôn tại UBND phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại 102, Huyện Trần Công C, phường Hòa H, quận Ngũ Hành S, TP. Đà Nẵng. Thời gian đầu cả hai vợ chồng sống hạnh phúc. Đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng không còn tình cảm với nhau.

Hiện nay hai bên không còn phù hợp nhau về mọi mặt, cả hai vợ chồng không còn tình cảm gì với nhau. Vì vậy, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Trần Văn T.

- **Về quan hệ con chung:** Chúng tôi có hai con chung tên Trần Văn T1, sinh ngày 25/02/2002 và Trần Văn K, sinh ngày 29/8/2006. Ly hôn, tôi xin được trực tiếp nuôi dưỡng con Trần Văn K và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Riêng con Trần Văn T1 đã đủ 18 tuổi phát triển bình thường nên không đề cập đến.

- **Về tài sản chung:** Tự thỏa thuận.

- **Về nợ chung:** Không có.

Bị đơn ông Trần Văn T đã được tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để ông T trình bày ý kiến, cung cấp các chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, nhưng ông T vẫn vắng mặt nên tòa án không có lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn phát biểu ý kiến về việc Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ và đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, đồng thời những người tham gia tố tụng cũng đã chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Riêng bị đơn là ông Trần Văn T đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 51; 56; 58, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình. Căn cứ các Điều 35; 147, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn và nuôi con chung của bà Nguyễn Tiểu L đối với ông Trần Văn T.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Tiểu L được ly hôn với ông Trần Văn T.

Về con chung: Giao con Trần Văn K, sinh ngày 29/8/2006 cho bà Nguyễn Tiểu L được trực tiếp nuôi dưỡng, ông Trần Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con. Riêng con Trần Văn T1 đã đủ 18 tuổi phát triển bình thường nên không đề cập đến.

Về tài sản chung và nợ chung: Không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Theo đơn khởi kiện của bà Nguyễn Tiểu L nộp tại Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng và Tòa án đã thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại Điều 28; Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn là ông Trần Văn T vắng mặt không có lý do. Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, tòa án đã thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn đầy đủ. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án:* Bà Nguyễn Tiểu L và ông Trần Văn T kết hôn vào năm 2001 có đăng ký kết hôn tại UBND phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây là đôi hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Trong quá trình chung sống với nhau đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Theo khai nại của bà L hiện nay hai bên không còn phù hợp nhau về mọi mặt, cả hai vợ chồng không còn tình cảm gì với nhau.

Qua quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy: Quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông T tồn tại nhưng không thực sự hạnh phúc, cả hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2019 đến nay, giữa họ chỉ có trên danh nghĩa vợ chồng, đã từ lâu không còn trách nhiệm gì với nhau. Do đó, hơn một năm nay vợ chồng đã sống ly thân.

Tại phiên tòa, bà L cương quyết xin được ly hôn ông T, còn ông T vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông T theo quy định của pháp luật.

Theo lời khai của ông T tại biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 29/3/2021 tại Trung tâm hòa giải, đối thoại thì ông T có xin lỗi vợ về khuyết điểm và xin được đoàn tụ gia đình.

Việc ông T xin được đoàn tụ gia đình, không đồng ý ly hôn nhưng bản thân cũng không đưa ra được biện pháp gì nhằm khắc phục được sự mâu thuẫn để có sức thuyết phục, níu kéo bà L trở lại hàn gắn hạnh phúc gia đình để nuôi dạy con cái T1

thành; hơn nữa quá trình giải quyết vụ án ông T không có thiện chí hợp tác khi vắng mặt tất cả các buổi hòa giải. Vì vậy, Hội đồng xét xử cũng không có cơ sở để bảo vệ cho ông T được.

Qua điều tra, xác minh tại địa phương cho thấy vợ chồng bà Nguyễn Tiểu L và ông Trần Văn T cư trú tại số 102 đường Huyền Trân Công C, phường Hòa H, quận Ngũ Hành S, TP. Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống với nhau vợ chồng có mâu thuẫn hay không thì địa phương không rõ, vì vợ chồng không trình báo.

Được biết hiện nay bà L dẫn các con về nhà cha mẹ ruột của bà L ở tại Quảng Nam hơn một năm nay, Tòa án cố gắng hòa giải để vợ chồng sống đoàn tụ, nếu không thành thì giải quyết theo pháp luật.

Hội đồng xét xử xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn tại phiên tòa về căn cứ các điều luật áp dụng cũng như đề nghị chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn là có căn cứ.

[3] Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà Nguyễn Tiểu L và ông Trần Văn T thực sự đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên chấp nhận cho bà Nguyễn Tiểu L được ly hôn ông Trần Văn T để giải phóng cho nhau là hoàn toàn phù hợp với khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- **Về con chung:** Vợ chồng bà L và ông T có hai con chung tên Trần Văn T1, sinh ngày 25/02/2002 và Trần Văn K, sinh ngày 29/8/2006. Ly hôn, bà L xin được trực tiếp nuôi dưỡng con Trần Văn K và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Riêng cháu Trần Văn T1 đã đủ 18 tuổi phát triển bình thường nên không đề cập đến.

Xét việc giao con cho ai trông nom, nuôi dưỡng đều phải dựa vào quyền lợi mọi mặt của đứa trẻ. Ở đây cháu K hiện còn nhỏ và đang ở với mẹ từ trước đến nay nên cuộc sống của cháu cần có sự chăm sóc của người mẹ để đảm bảo cho sự phát triển về thể chất, tinh thần cũng như việc nuôi dưỡng của mẹ đối với con; hơn nữa cháu K cũng có nguyện vọng được ở với mẹ để thuận tiện cho việc đi học. Xuất phát từ quyền lợi mọi mặt của cháu, Hội đồng xét xử xét cần giao cháu Trần Văn K cho bà L được trực tiếp nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Tại phiên tòa, bà L không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung là ý chí tự nguyện của bà L nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

- **Về tài sản chung:** Bà L tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

- **Về nợ chung:** Bà L xác định không có nợ chung nên không xem xét.

[4] Án phí ly hôn sơ thẩm: 300.000 đồng, bà Nguyễn Tiểu L phải chịu.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 147; khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận đơn kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Tiểu L đối với ông Trần Văn T.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Tiểu L được ly hôn với ông Trần Văn T.

2. Về con chung: Giao con Trần Văn K, sinh ngày 29/8/2006 cho bà Nguyễn Tiểu L được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Ông Trần Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Riêng con Trần Văn T1 đã đủ 18 tuổi phát triển bình thường nên không đề cập đến.

Bên không trực tiếp nuôi con vẫn có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không đề cập đến.

4. Án phí ly hôn sơ thẩm: 300.000 đồng, bà Nguyễn Tiểu L phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0007259 ngày 14/4/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Ngũ Hành Sơn;
- Chi cục THADS quận Ngũ Hành Sơn;
- UBND phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Lâm

